TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN ĐƯỚC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 3 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung giữa bà T và ông T1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Phương.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Long An, (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Long An, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:

Bà Phan Thị T và ông Phan Văn T1 không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An và được cấp Giấy đăng ký kết hôn số 91/2018 ngày 06 tháng 8 năm 2018. Sau khi cưới, vợ chồng chung

sống hạnh phúc. Đến năm 2021, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cải vã và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Phan Văn T1 thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn không lo làm ăn để lo cho gia đình và còn bạo hành đối với bà T. Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Minh C, sinh năm 2002; Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 25/02/2013; con chung tên Phan Minh C đã trưởng thành còn Phan Thị Mỹ L hiện đang sống với bà T, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Phan Văn T1*: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T1 không tham gia giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Phan Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn T1. Ông Phan Văn T1 là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước. Bị đơn ông Phan Văn T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Phan Văn T1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Phan Văn T1 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91/2018 ngày 06/8/2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T trình bày do ông T1 thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn không lo làm ăn và thường xuyên bạo hành đối với bà nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Tại phiên tòa bà T cương quyết xin ly hôn với ông T1. Đối với ông T1, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T1 không tham gia giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án gửi cho Tòa án. Điều đó chứng minh rằng ông T1 không có thiện chí hàn gắn. Qua đó, Hội đồng

xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Minh C, sinh năm 2002; Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 25/02/2013; con chung tên Phan Minh C đã trưởng thành còn Phan Thị Mỹ L hiện đang sống với bà T, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu L có đơn nguyện vọng xin được sống với bà T trong trường hợp bà T và ông T1 ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T giao cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Mỹ L. Ông T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thăm nom chăm sóc con được thực hiện theo Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", nhưng bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, ông T1 không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T đối với bị đơn ông Phan Văn T1.

- Về hôn nhân: Bà Phan Thị T được ly hôn với ông Phan Văn T1.

- Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 25/02/2013. Ông Phan Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[2] Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002934 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An, bà T đã nộp đủ án phí.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Lộc